

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 21-12-2023

*“V/v: Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Thẩm phán:

Bà Thái Thị Phi Yên

Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2023/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXPT-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023, Thông báo hoãn phiên tòa số: 163 /TB-TA ngày 20 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan V, sinh năm 1983, nơi cư trú: Tổ A, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng; (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê P - Luật sư thuộc công ty luật K - Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn H, sinh năm 1987, nơi cư trú: Tổ A, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng; (có mặt).

3. *Người kháng cáo:* Ông Phan V - Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là ông Phan V trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Phan V và bà Nguyễn H đăng ký kết hôn vào ngày 23/11/2011 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Sau khi kết hôn thì ông V, bà H sống cùng nhau tại địa chỉ tổ C, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2017 thì vợ chồng chuyển về sống tại Tổ A, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống đã không hoà hợp, thời gian sau này vẫn không có cải thiện, ông V bà H thường hay cãi vã, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng. Ông V cho rằng không thể tiếp tục chung sống cùng bà H nên từ năm 2020 đã chuyển về nhà mẹ ruột tại Tổ A, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian sống ly thân, ông V thừa nhận có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Ông V xác định không còn tình cảm với bà H vì bà H cũng không chung thủy nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn H.

- *Về con chung:* Ông Phan V xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Phan D, sinh ngày 29/12/2011 và Phan H, sinh ngày: 16/4/2014. Ly hôn, ông V có nguyện vọng giao cả 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng và ông V cấp dưỡng nuôi mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng.

- *Về tài sản chung:* Ông Phan V xác định không có.

- *Về nợ chung:* Ông Phan V không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng có ý kiến trình bày rằng vợ chồng đã tự thoả thuận giải quyết gần xong, chỉ còn lại một tài sản riêng do ông V đứng tên, sau khi ly hôn thì ông V làm thủ tục sang tên cho bà H.

Bị đơn bà Nguyễn H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Phan V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chính Gián, quận T, thành phố Đà Nẵng như ông V trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H là lao động chính, trong thời gian ông V không có việc làm nhưng để đảm bảo kinh tế gia đình và cũng như chất lượng sống của hai con chung thì bà H thường xuyên đi làm để lo toan nên phần nào ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Bà H không đồng ý ly hôn, vì bà cho rằng:

+ Bà và ông V có thời gian quen biết tìm hiểu nhau rất dài trong khoảng thời gian 08 năm nên bà hiểu rõ ông V chỉ nhất thời có quan hệ tình cảm với người khác nên mới ly hôn bà, bà có thể chấp nhận bỏ qua những điều sai trái trong tình cảm của ông V để gia đình được đoàn tụ, để các con có cha, đồng thời vì cháu lớn đang ở độ tuổi dậy thì, nếu gia đình phân ly thì phần nào sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý cũng như việc học của cháu, bản thân cả hai con chung đều mong muốn gia đình được đoàn tụ.

+ Bên cạnh đó, quá trình làm ăn xây dựng kinh tế gia đình thì vợ chồng có nợ Ngân hàng A. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho hai khoản vay tại hai Ngân hàng này là ông V, bà H được người bạn cho mượn để xoay sở vấn đề tài chính. Bà H mong muốn được đoàn tụ vì còn yêu thương ông V và mong muốn ông V cùng bà chia sẻ những áp lực về kinh tế trong lúc khó khăn hoạn nạn và làm chỗ dựa tinh thần cho các con.

+ Ngoài ra, bà H còn trình bày những phiên hoà giải trước đây, bà H không có mặt tại Toà án để tham gia vì điều kiện công việc phải di chuyển nhiều nơi mới có thể xử lý. Bà H có nguyện vọng tha thiết được đoàn tụ gia đình với ông V, không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn H xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Phan D, sinh ngày 29/12/2011 và Phan H, sinh ngày: 16/4/2014. Nếu phải ly hôn, bà H có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con là 10.000.000 đồng/tháng/con.

- *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn H xác định không có.

- *Về nợ chung*: Bà Nguyễn H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Phan V là bà Lê P trình bày:

Ông Phan V và bà Nguyễn H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Chính Gián nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn từ năm 2014 do bà H ngoại tình với nhiều người, ông V đã nhiều lần bỏ qua nhưng đến nay không thể hàn gắn được. Khi mâu thuẫn trầm trọng, ông V đã ly thân về nhà mẹ sống riêng với hai con từ năm 2021, từ đó ông V đã không còn bất kỳ tình cảm gì với bà H nữa nên cũng đã có quen biết với người phụ nữ khác. Đến nay tình cảm vợ chồng thật sự không còn, tài sản chung cũng đã không còn gì cả. Trong thời gian chờ giải quyết ly hôn, ông V cũng đang sang tên nhiều tài sản cho bà H để nuôi con. Tại phiên tòa ông V bà H đều đưa ra những sai trái của cả hai trong thời gian sống chung nhưng bà H lại không đưa ra giải pháp thuyết phục ông V đoàn tụ. Kính đề nghị Tòa căn cứ Điều 51, 56 giải quyết cho ông V được ly hôn bà H.

Với nội dung như trên, bản án sơ thẩm số 30/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

1. Bác đơn yêu cầu khởi kiện “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của nguyên đơn là ông Phan V đối với bị đơn là bà Nguyễn H.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Phan V phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà đã nộp theo biên lai thu số 0008980 ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng. Ông V đã nộp đủ án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/09/2023 nguyên đơn ông Phan V có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm số 30/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận T, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Phan V, giao 02 con chung là Phan D, sinh ngày 29/12/2011 và Phan H, sinh ngày: 16/4/2014 cho bà Nguyễn H trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện và nội dung kháng cáo. Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, đồng thời giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn - ông Phan V đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông Phan V, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phan V đối với bà Nguyễn H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Phan V, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 30/2023/HNGĐ-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng. Các bên đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phan V trong hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của ông Phan V, Hội đồng xét xử thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan V và bà Nguyễn H đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng vào ngày 23/11/2011.

Quá trình giải quyết vụ án, ông V cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, bà H rất nhiều lần ngoại tình, không chung thủy nên ông V không còn niềm tin và tình cảm với bà Hạnh. Ông V đã sống ly thân với bà H từ năm 2021 cho đến nay, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Còn bà H cho rằng bà không ngoại tình như ông V trình bày, do bà là lao động chính, trong thời gian ông V không có việc làm nhưng để đảm bảo kinh tế gia đình, bà thường xuyên đi làm để lo toan nên phần nào ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Hiện nay, ông V chỉ nhất thời có quan hệ tình cảm với người khác, nên mới ly hôn với bà, bà có thể chấp nhận bỏ qua những điều sai trái trong tình cảm của ông V để gia đình được đoàn tụ, nếu ly hôn phần nào sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý cũng như việc học tập của các con, nên bà thiết tha xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con và có khoản thời gian để vợ chồng cùng nhau giải quyết về nợ chung.

Hội đồng xét xử thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nuôi dạy các con. Ông V cho rằng bà H có ngoại tình từ năm 2014 cho đến nay nhưng bà H không thừa nhận, còn ông V tại phiên tòa sơ thẩm cũng thừa nhận có ngoại tình.

Mặc dù, trong vụ án cả ông V và bà H không yêu Tòa án giải quyết về nợ chung, nhưng trong hồ sơ thể hiện: Vào tháng 3 và tháng 11 năm 2022; tháng 2 và tháng 3 năm 2023 ông V cùng bà H ký kết các hợp đồng vay mượn tiền của nhiều cá nhân. Hiện nay **bà H và ông V vay** Ngân hàng A số tiền **10.600.000.000 đồng** và thế chấp tài sản đứng tên ông Phan V. Theo như bà H trình bày đây là tài sản do bà H mượn của ông Đàm D theo Văn bản thoả thuận ngày 18/4/2022 và nhờ ông V đứng tên để thuận lợi cho việc xoay chuyển các nguồn tiền làm ăn chung của hai vợ chồng.

Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ cấp sơ thẩm đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà H vẫn tha thiết xin đoàn tụ. Xét yêu cầu đoàn tụ của bà H thấy: Hiện nay, cả ông V và bà H đều có những khoản nợ rất lớn trong thời kỳ hôn nhân, về mặt tình nghĩa vợ chồng, HĐXX thấy ông V nên cùng bà H tính toán trả các khoản nợ chung này, nhằm giảm áp lực kinh tế cho bà H. Việc ông V, bà H cùng đoàn tụ là cần thiết, để không ảnh hưởng đến tâm sinh lý và phát triển của các con, cũng như trong lúc bà H đang gặp khó khăn về kinh tế, rất cần sự hỗ trợ, động viên, chia sẻ từ gia đình và bản thân ông V.

Vì vậy Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông V, giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm:

Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Phan V và giữ nguyên án sơ thẩm, nên ông V phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan V, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 30/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng.

- Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” của ông Phan V đối với bà Nguyễn H.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Phan V phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008980 ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng. Ông V đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Ông Phan V phải chịu 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000283 ngày 11

tháng 9 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng. Ông V đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Chi Cục thi hành án dân sự quận T;
- Tòa án nhân dân quận T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng